



Đại Học Quốc Gia TP.HCM  
**Trường Đại Học Bách Khoa**  
Trung Tâm Ngoại Ngữ (Khoa)

Vietnam National University - HCMC  
**Ho Chi Minh City University of Technology**  
Trung Tâm Ngoại Ngữ (Khoa)

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### Course Syllabus

#### 1. Thông tin về học phần (Course information)

##### 1.1. Thông tin tổng quan (General information)

- Tên học phần: **Anh văn 3**

Course title: **English 3**

- Mã học phần (Course ID): **LA1007**

- Số tín chỉ (Credits): **2 (ETCS: 4)**

- Học kỳ áp dụng (Applied from semester): **20201**

- Tổ chức học phần (Course format):

| Hình thức học tập<br>(Teaching/study type)               | Số tiết/giờ<br>(Hours) | Số tín chỉ<br>(Credits) | Ghi chú<br>(Notes) |
|--|------------------------|-------------------------|--------------------|
| Lý thuyết (LT)<br>(Lectures)                             | 0                      |                         |                    |
| Thảo luận (ThL)/Thực hành tại lớp (TH)<br>(Tutorial)     | 45                     |                         |                    |
| Thí nghiệm (TNg)/Thực tập xưởng (TT)<br>(Labs/Practices) | 0                      |                         |                    |
| Bài tập lớn (BTL)/Đồ án (ĐA)<br>(Projects)               | 22.5                   |                         |                    |
| Tự học (Self-study)                                      | 45                     |                         |                    |
| Khác (Others)  | 0                      |                         |                    |
| <b>Tổng cộng (Total)</b>                                 | <b>46.66</b>           | <b>2</b>                |                    |

- Tỷ lệ đánh giá và hình thức kiểm tra/thi (Evaluation form & ratio)

| Hình thức đánh giá<br>(Evaluation type)              | Tỷ lệ<br>(Ratio) | Hình thức<br>(Format)                  | Thời gian<br>(Duration) |
|--|------------------|--|-------------------------|
| Thảo luận (ThL)/Thực hành tại lớp (TH)<br>(Tutorial) | 20%              |  |                         |
| Thí nghiệm<br>(Labs/Practices)                       |                  |  |                         |
| Bài tập lớn (BTL)/Đồ án (ĐA)<br>(Projects)           | 10%              |  |                         |
| Kiểm tra<br>(Midterm Exam)                           | 20%              | Trắc nghiệm<br>(Multiple choice (MCQ)) | 50 phút (minutes)       |
| Thi<br>(Final Exam)                                  | 50%              | Trắc nghiệm<br>(Multiple choice (MCQ)) | 50 phút (minutes)       |
| <b>Tổng cộng<br/>(Total)</b>                         | <b>100%</b>      |  |                         |



## 1.2. Điều kiện tiên quyết (*Prerequisites*)

HT: Recommended, TQ: Prereq, SH: Coreq

## 1.3. Học phần thuộc khối kiến thức (*Knowledge block*)

- Kiến thức giáo dục đại cương (*General education*)
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (*Professional education*)
  - Kiến thức cơ sở ngành (*Foundation*)
  - Kiến thức ngành (*Major*)
  - Kiến thức chuyên ngành (*Specialty*)
  - Kiến thức Tốt nghiệp (*Graduation*)

## 1.4. Đơn vị phụ trách (*Khoa/Bộ môn*) (*Unit in-charge*)

|  |  |
|--|--|
| Bộ môn / Khoa phụ trách ( <i>Department</i> )      | Trung Tâm Ngoại Ngữ (BM) - Trung Tâm Ngoại Ngữ (Khoa)<br>( <i>Trung Tâm Ngoại Ngữ (Khoa)</i> ) |
| Văn phòng ( <i>Office</i> )                        | Lầu 1 nhà C6, Trường ĐH Bách Khoa, 268 Lý Thường Kiệt Q.10, Tp.HCM                             |
| Điện thoại ( <i>Phone number</i> )                 | (028) 3866 6869  |
| Giảng viên phụ trách ( <i>Lecturer in-charge</i> ) | Nguyễn Công Trí  |
| E-mail   | nguyencongtri@hcmut.edu.vn   |

## 2. Mô tả học phần (*Course description*)

Với mục tiêu phát triển cả kiến thức lẫn kỹ năng Tiếng Anh, khoá học 45 tiết gồm 05 bài học lớn theo từng chủ đề: Cảm xúc, Du lịch, Thể thao, Thức ăn, và Công việc. Mỗi bài học được chia ra làm nhiều phần nhỏ tập trung vào nhiều khía cạnh ngôn ngữ khác nhau, giúp người học phát triển cách nhìn đa chiều, khả năng tư duy phân biện và nêu rõ quan điểm của mình. Ngoài thời gian học tập trên lớp, sinh viên còn được ôn tập, rèn luyện kỹ năng, và cải thiện Tiếng Anh qua phần mềm dạy và học online (*Perspectives Online*).

*The 45-period course covers five units whose topics are intimately connected to daily contexts, i.e. Feelings, Travel, Sports, Food, and Work. Each unit in the coursebook consists of 6 two-page spreads with smaller sections that focus on various language aspects, helping students develop an open mind, a critical eye, and a clear voice in English. In addition, students are given the opportunity to ameliorate their English knowledge and skills to a greater extent with the online English teaching and learning program (Perspectives Online).*

## 3. Giáo trình và tài liệu học tập (*Course materials*)

Giáo trình chính:

Barber, D., Lansford, L. & Jeffries, A. (2018). *Perspectives 2A (American English) Student's book*. National Geographic Learning.

Bài tập trực tuyến:

Perspectives Online

Coursebook:

Barber, D., Lansford, L. & Jeffries, A. (2018). *Perspectives 2A (American English) Student's book*. National Geographic Learning.

Online Practice:

Perspectives Online

## 4. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi (*Goals and Learning outcomes*)

### 4.1. Mục tiêu của học phần (*Course goals*)



Sinh viên nắm vững các cấu trúc ngữ pháp cũng như từ vựng cần thiết về một số chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, phát triển khả năng sử dụng Tiếng Anh để giao tiếp một cách tự tin và hiệu quả.

*The course is developed with the prime aims in accordance with the language teaching and learning overall goals articulated in the Common European Framework. Particularly, it is to help students grasp certain grammatical structures as well as lexical items which are popularly utilized in real-life situations. Considerable attention is also given to students' use of English to communicate in a confident and effective way.*

#### 4.2. Chuẩn đầu ra học phần (*Course learning outcomes*)

L.O.1 - Từ vựng: Biết được một lượng từ vựng đủ để có thể diễn đạt ý mình về các chủ đề thường nhật như : Cảm xúc, Du lịch, Thể thao, Thực phẩm, và Công việc

*(Vocabulary: Know a sufficient amount of vocabulary to be able to express yourself on everyday topics such as: Emotions, Travel, Sports, Food, and Work)*

L.O.1.1 - Có thể sử dụng từ vựng liên quan tới mô tả cảm xúc.

*(Can use the vocabulary to describe emotions.)*

L.O.1.2 - Có thể sử dụng từ vựng để mô tả về chủ đề du lịch.

*(Can use the vocabulary to describe travel.)*

L.O.1.3 - Có thể sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề thể thao.

*(Can use the vocabulary about sports.)*

L.O.1.4 - Có thể sử dụng từ vựng liên quan đến mô tả thực phẩm.

*(Can use the vocabulary about describing food.)*

L.O.1.5 - Có thể sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề công việc.

*(Can use the words for talking about work.)*

L.O.2 - Ngữ pháp: Biết được những cấu trúc ngữ pháp phổ biến và cần thiết, áp dụng được chúng trong các tình huống giao tiếp quen thuộc một cách hợp lý, chính xác.

*(Grammar: Know the common and necessary grammatical structures, apply them in familiar communication situations in a reasonable and accurate way.)*

L.O.2.1 - Có thể dùng câu hỏi có từ để hỏi cho Chủ ngữ và Tân ngữ

*(Can use questions for Subjects and Objects.)*

L.O.2.10 - Có thể dùng động từ khiếm khuyết ở dạng hiện tại và quá khứ.

*(Can use present and past modals.)*

L.O.2.2 - Có thể dùng các thì phù hợp để mô tả hiện tại.

*(Can use suitable tenses to talk about the present.)*

L.O.2.3 - Có thể phân biệt và sử dụng các tính từ -ING và -ED.

*(Can distinguish and use -ED and -ING adjectives.)*

L.O.2.4 - Có thể dùng các thì Quá khứ để kể chuyện.

*(Can use suitable past tenses to tell a story.)*

L.O.2.5 - Có thể dùng thì Quá khứ đơn và Hiện tại hoàn thành.

*(Can use the Past Simple and the Present Perfect.)*

L.O.2.6 - Có thể dùng Hiện tại hoàn thành và Hiện tại hoàn thành tiếp diễn.

*(Can use the Present Perfect and Present Perfect Continuous.)*

L.O.2.7 - Có thể dùng các thì và cấu trúc để mô tả kế hoạch và dự định.

*(Can use tenses and structures to talk about future plans, intention and arrangements.)*

L.O.2.8 - Có thể dùng các thì và cấu trúc để mô tả dự đoán.

*(Can use tenses and structures to make predictions.)*

L.O.2.9 - Có thể dùng các dạng động từ -ing và to-infinitive.

*(Can use V-ing and to-infinitive.)*

L.O.3 - Nghe Nghe hiểu được các thông tin rõ ràng, các ý chính cũng như chi tiết của những bài nói về các chủ đề quen thuộc về cuộc sống, được đặt trong ngữ cảnh ngữ pháp của bài học

*(Listening Listen to understand clear information, main ideas and details of talks on familiar life topics, placed in the grammatical context of the lesson.)*



L.O.3.1 - Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về công việc của các nhà thám hiểm.

*(Can listen to a description of three National Geographic explorers' work.)*

L.O.3.10 - Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về tầm quan trọng của số yếu lý lịch khi đi xin việc.

*(Can listen to the main points and details of a talk about how our résumés tell employers about our experiences, determination, and ability to deal with life's challenges.)*

L.O.3.2 - Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về công nghệ giúp máy tính nhận dạng được cảm xúc con người, từ đó kết nối tốt hơn với người dùng.

*(Can listen to the main points and details of a talk about teaching computers how to understand emotions on the faces of users, we can make more personal connections with the devices we use.)*

L.O.3.3 - Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về các phương tiện khác thường để đến trường.

*(Can listen to description of three unusual ways to get to school)*

L.O.3.4 - Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về tinh thần phiêu lưu, dám làm khác để trải nghiệm chuyến đi một cách thú vị hơn.

*(Can listen to the main points and details of a talk about the fact that the fastest route may be efficient, but there are times when taking a different route can be more interesting and memorable.)*

L.O.3.5 - Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về cuộc sống năng động của một nhà leo núi.

*(Can listen to a podcast about a mountain climber.)*

L.O.3.6 - Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về việc thông qua các việc làm cho người ta chú ý đến những vấn đề quan trọng trong cuộc sống bằng cách dám làm những điều phi thường.

*(Can listen to the main points and details of a talk about the idea that sometimes we have to do extraordinary things to make people pay attention to important issues.)*

L.O.3.7 - Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về học nấu ăn trong trường học.

*(Can listen to a podcast about cooking in schools.)*

L.O.3.8 - Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về việc cắt giảm lượng thịt trong khẩu phần ăn, dù nhỏ, cũng có thể ảnh hưởng tốt đến môi trường toàn cầu.

*(Can listen to the main points and details of a talk about the idea that cutting meat from our diet—even just part of the time—can have a powerful impact on the planet.)*

L.O.3.9 - Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về thế giới việc làm.

*(Can listen to a podcast about the world of work.)*

L.O.4 - Đọc: Đọc hiểu được ở mức độ nhất định những văn bản rõ ràng về các chủ đề liên quan cuộc sống thường nhật, và nêu quan điểm cá nhân về những vấn đề đó

*(Reading: Read and understand to a certain extent clear texts on topics relevant to everyday life, and express personal views on those issues.)*

L.O.4.1 - Có thể đọc hiểu được ý chính, chi tiết và nêu quan điểm cá nhân về tại sao con người cười.

*(Can read for gist, details and respond to an article on why people smile.)*

L.O.4.2 - Có thể đọc hiểu được ý chính, chi tiết và nêu quan điểm cá nhân về các nhà thám hiểm thành phố.

*(Can read for gist, details and respond to an article about urbexers.)*

L.O.4.3 - Có thể đọc hiểu được ý chính, chi tiết và nêu quan điểm cá nhân về liệu thể thao có thể giúp bảo vệ loài sư tử ở Châu Phi không.

*(Can read for gist, details and respond to an article about how sports can help protect Africa's lion.)*

L.O.4.4 - Có thể đọc hiểu được ý chính, chi tiết và nêu quan điểm cá nhân về làm thế nào thức ăn đường phố Phillipines ngon nhất thế giới.

*(Can read for gist, details and respond to an article about how the best street food in the world could be Filipino.)*

L.O.4.5 - Có thể đọc hiểu được ý chính, chi tiết và nêu quan điểm cá nhân về sử dụng camera quan sát để giúp kéo giảm tội phạm hiệu quả

*(Can read for gist, details and respond to an article about how CCTV cameras can help combat real-life crime.)*

L.O.5 - Nói: Áp dụng được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp, duy trì được sự trôi chảy của lời nói. Có thể nói về nhiều chủ đề khác nhau, diễn đạt các quan điểm rõ ràng dễ hiểu.



(Speaking: Apply vocabulary and grammatical structures, maintain fluency of speech. Can talk about a wide variety of topics, expressing opinions clearly and easily.)

L.O.5.1 - Có thể sử dụng hỏi tiếp nối để giúp kéo dài bài hội thoại.

(Can ask follow-up questions.)

L.O.5.2 - Có thể hỏi và chỉ đường.

(Can ask for and giving directions.)

L.O.5.3 - Có thể quan điểm đồng ý hay phản đối.

(Can express agreement and disagreement.)

L.O.5.4 - Có thể nói về ước mơ và mục tiêu tương lai.

(Can talk about hopes and goals.)

L.O.5.5 - Có thể nói trả lời các câu hỏi cơ bản nhất khi đi phỏng vấn.

(Can talk answer basic questions in a job interview.)

L.O.6 - Viết: Áp dụng từ vựng và các cấu trúc để viết các văn bản rõ ràng mạch lạc về các chủ đề quen thuộc.

(Writing: Apply vocabulary and structures to write clear, coherent texts on familiar topics.)

L.O.6.1 - Có thể viết một đoạn văn ngắn nhận xét về một cuốn sách hay một bộ phim.

(Can write a book or movie review)

L.O.6.2 - Có thể viết một đoạn văn ngắn để kể về một chuyến đi.

(Can write a short story.)

L.O.6.3 - Có thể viết một bài luận ngắn để trình bày ý kiến.

(Can write an opinion essay.)

L.O.6.4 - Có thể viết một đoạn văn ngắn về các nhân đề cập nhật lên trang mạng xã hội.

(Can write an update on social media.)

L.O.6.5 - Có thể viết một đơn xin việc đơn giản.

(Can write a cover letter.)

## 5. Phương thức giảng dạy và học tập (Teaching and assessment methods)

### 5.1. Phương thức giảng dạy (Teaching methods)

| STT<br>(No.) | Phương thức giảng dạy<br>(Teaching methods)                    |
|--------------|--|
| 1            | Phương pháp học tập qua thực hành<br>(Practise-based learning) |
| 2            | Phương pháp học tập tích hợp<br>(Blended learning)             |

### 5.2. Phương pháp giảng dạy (Teaching activities)

| Loại hoạt động<br>(Assessment methods)           | Tên loại hoạt động<br>(Components activities)              | Nội dung<br>(Content)           |
|--|--|---------------------------------|
| AIC-Hoạt động trong lớp (Activity in class)      | A.O.1 - Quá trình (On-going assessment)                    | On-going assessment (Quá trình) |
| IHW-Bài tập cá nhân về nhà (Individual homework) | A.O.1.1 - Bài tập online (Online Assignments)              | 10% (10%)                       |
| AIC-Hoạt động trong lớp (Activity in class)      | A.O.1.2 - Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment) | 20% (20%)                       |
| TES-Kiểm tra giữa kỳ (Midterm exam)              | A.O.2 - Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)                   | 20% (20%)                       |
| EXM-Thi cuối kỳ (Final exam)                     | A.O.3 - Thi Cuối kỳ (Final exam)                           | 50% (50%)                       |

### 5.3. Hình thức đánh giá (Assessment methods)

| Chuẩn đầu ra chi tiết<br>(Learning outcome) | Hoạt động đánh giá<br>(Evaluation activities) |
|---|---|
|---|---|



| <b>Chuẩn đầu ra chi tiết<br/>(Learning outcome)</b>   | <b>Hoạt động đánh giá<br/>(Evaluation activities)</b>   |
|---|---|
| L.O.1.1-Có thể sử dụng từ vựng liên quan tới mô tả cảm xúc. (Can use the vocabulary to describe emotions.)  | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.1.2-Có thể sử dụng từ vựng để mô tả về chủ đề du lịch. (Can use the vocabulary to describe travel.)   | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.1.3-Có thể sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề thể thao. (Can use the vocabulary about sports.)  | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.1.4-Có thể sử dụng từ vựng liên quan đến mô tả thực phẩm. (Can use the vocabulary about describing food.)   | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.1.5-Có thể sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề công việc. (Can use the words for talking about work.)  | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.2.1-Có thể dùng câu hỏi có từ để hỏi cho Chủ ngữ và Tân ngữ (Can use questions for Subjects and Objects.)   | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.2.10-Có thể dùng động từ khiếm khuyết ở dạng hiện tại và quá khứ. (Can use present and past modals.)  | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.2.2-Có thể dùng các thì phù hợp để mô tả hiện tại. (Can use suitable tenses to talk about the present.)   | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.2.3-Có thể phân biệt và sử dụng các tính từ -ING và -ED. (Can distinguish and use -ED and -ING adjectives.)   | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.2.4-Có thể dùng các thì Quá khứ để kể chuyện. (Can use suitable past tenses to tell a story.)   | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.2.5-Có thể dùng thì Quá khứ đơn và Hiện tại hoàn thành. (Can use the Past Simple and the Present Perfect.)  | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.2.6-Có thể dùng Hiện tại hoàn thành và Hiện tại hoàn thành tiếp diễn. (Can use the Present Perfect and Present Perfect Continuous.)                       | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.2.7-Có thể dùng các thì và cấu trúc để mô tả kế hoạch và dự định. (Can use tenses and structures to talk about future plans, intention and arrangements.) | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |



| <b>Chuẩn đầu ra chi tiết<br/>(Learning outcome)</b>   | <b>Hoạt động đánh giá<br/>(Evaluation activities)</b>   |
|---|---|
| L.O.2.8-Có thể dùng các thì và cấu trúc để mô tả dự đoán. ( <i>Can use tenses and structures to make predictions.</i> )   | A.O.1.1-Bài tập online ( <i>Online Assignments</i> )<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp ( <i>In-class Assessment</i> )<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ ( <i>Mid-term test</i> )<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ ( <i>Final exam</i> ) |
| L.O.2.9-Có thể dùng các dạng động từ -ing và to-infinitive. ( <i>Can use V-ing và to-infinitive.</i> )  | A.O.1.1-Bài tập online ( <i>Online Assignments</i> )<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp ( <i>In-class Assessment</i> )<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ ( <i>Mid-term test</i> )<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ ( <i>Final exam</i> ) |
| L.O.3.1-Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về công việc của các nhà thám hiểm. ( <i>Can listen to a description of three National Geographic explorers' work.</i> )   | A.O.1.1-Bài tập online ( <i>Online Assignments</i> )<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp ( <i>In-class Assessment</i> )<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ ( <i>Mid-term test</i> )<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ ( <i>Final exam</i> ) |
| L.O.3.10-Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về tầm quan trọng của số yếu lý lịch khi đi xin việc. ( <i>Can listen to the main points and details of a talk about how our résumés tell employers about our experiences, determination, and ability to deal with life's challenges.</i> )   | A.O.1.1-Bài tập online ( <i>Online Assignments</i> )<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp ( <i>In-class Assessment</i> )   |
| L.O.3.2-Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về công nghệ giúp máy tính nhận dạng được cảm xúc con người, từ đó kết nối tốt hơn với người dùng. ( <i>Can listen to the main points and details of a talk about teaching computers how to understand emotions on the faces of users, we can make more personal connections with the devices we use.</i> )              | A.O.1.1-Bài tập online ( <i>Online Assignments</i> )<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp ( <i>In-class Assessment</i> )   |
| L.O.3.3-Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về các phương tiện khác thường để đến trường. ( <i>Can listen to description of three unusual ways to get to school</i> )  | A.O.1.1-Bài tập online ( <i>Online Assignments</i> )<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp ( <i>In-class Assessment</i> )<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ ( <i>Mid-term test</i> )<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ ( <i>Final exam</i> ) |
| L.O.3.4-Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về tinh thần phiêu lưu, dám làm khác để trải nghiệm chuyên đi một cách thú vị hơn. ( <i>Can listen to the main points and details of a talk about the fact that the fastest route may be efficient, but there are times when taking a different route can be more interesting and memorable.</i> )                       | A.O.1.1-Bài tập online ( <i>Online Assignments</i> )<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp ( <i>In-class Assessment</i> )<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ ( <i>Mid-term test</i> )<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ ( <i>Final exam</i> ) |
| L.O.3.5-Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về cuộc sống năng động của một nhà leo núi. ( <i>Can listen to a podcast about a mountain climber.</i> )   | A.O.1.1-Bài tập online ( <i>Online Assignments</i> )<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp ( <i>In-class Assessment</i> )<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ ( <i>Mid-term test</i> )<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ ( <i>Final exam</i> ) |
| L.O.3.6-Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về việc thông qua các việc làm cho người ta chú ý đến những vấn đề quan trọng trong cuộc sống bằng cách dám làm những điều phi thường. ( <i>Can listen to the main points and details of a talk about the idea that sometimes we have to do extraordinary things to make people pay attention to important issues.</i> ) | A.O.1.1-Bài tập online ( <i>Online Assignments</i> )<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp ( <i>In-class Assessment</i> )   |
| L.O.3.7-Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về học nấu ăn trong trường học. ( <i>Can listen to a podcast about cooking in schools.</i> )   | A.O.1.1-Bài tập online ( <i>Online Assignments</i> )<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp ( <i>In-class Assessment</i> )<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ ( <i>Mid-term test</i> )<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ ( <i>Final exam</i> ) |
| L.O.3.8-Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về việc cắt giảm lượng thịt trong khẩu phần ăn, dù nhỏ, cũng có thể ảnh hưởng tốt đến môi trường toàn cầu. ( <i>Can listen to the main points and details of a talk about the idea that cutting meat from our diet—even just part of the time—can have a powerful impact on the planet.</i> )                            | A.O.1.1-Bài tập online ( <i>Online Assignments</i> )<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp ( <i>In-class Assessment</i> )   |



| <b>Chuẩn đầu ra chi tiết<br/>(Learning outcome)</b>  | <b>Hoạt động đánh giá<br/>(Evaluation activities)</b>   |
|--|---|
| L.O.3.9-Có thể nghe được ý chính và các chi tiết bài nói về thế giới việc làm. (Can listen to a podcast about the world of work.)  | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.4.1-Có thể đọc hiểu được ý chính, chi tiết và nêu quan điểm cá nhân về tại sao con người cười. (Can read for gist, details and respond to an article on why people smile.)   | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.4.2-Có thể đọc hiểu được ý chính, chi tiết và nêu quan điểm cá nhân về các nhà thám hiểm thành phố. (Can read for gist, details and respond to an article about urbexers.)   | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.4.3-Có thể đọc hiểu được ý chính, chi tiết và nêu quan điểm cá nhân về liệu thể thao có thể giúp bảo vệ loài sư tử ở Châu Phi không. (Can read for gist, details and respond to an article about how sports can help protect Africa's lion.)               | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.4.4-Có thể đọc hiểu được ý chính, chi tiết và nêu quan điểm cá nhân về làm thế nào thức ăn đường phố Phillipines ngon nhất thế giới. (Can read for gist, details and respond to an article about how the best street food in the world could be Filipino.) | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.4.5-Có thể đọc hiểu được ý chính, chi tiết và nêu quan điểm cá nhân về sử dụng camera quan sát để giúp kéo giảm tội phạm hiệu quả (Can read for gist, details and respond to an article about how CCTV cameras can help combat real-life crime.)           | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)<br>A.O.2-Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term test)<br>A.O.3-Thi Cuối kỳ (Final exam) |
| L.O.5.1-Có thể sử dụng hỏi tiếp nối để giúp kéo dài bài hội thoại. (Can ask follow-up questions.)  | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)   |
| L.O.5.2-Có thể hỏi và chỉ đường. (Can ask for and giving directions.)  | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)   |
| L.O.5.3-Có thể quan điểm đồng ý hay phản đối. (Can express agreement and disagreement.)  | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)   |
| L.O.5.4-Có thể nói về ước mơ và mục tiêu tương lai. (Can talk about hopes and goals.)  | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)   |
| L.O.5.5-Có thể nói trả lời các câu hỏi cơ bản nhất khi đi phỏng vấn. (Can talk answer basic questions in a job interview.)   | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)   |
| L.O.6.1-Có thể viết một đoạn văn ngắn nhận xét về một cuốn sách hay một bộ phim. (Can write a book or movie review)  | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)   |
| L.O.6.2-Có thể viết một đoạn văn ngắn để kể về một chuyến đi. (Can write a short story.)   | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)   |
| L.O.6.3-Có thể viết một bài luận ngắn để trình bày ý kiến. (Can write an opinion essay.)   | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)   |
| L.O.6.4-Có thể viết một đoạn văn ngắn về các nhân đề cập nhật lên trang mạng xã hội. (Can write an update on social media.)  | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)   |
| L.O.6.5-Có thể viết một đơn xin việc đơn giản. (Can write a cover letter.)   | A.O.1.1-Bài tập online (Online Assignments)<br>A.O.1.2-Bài tập/Thực hành trên lớp (In-class Assessment)   |

#### 5.4. Hướng dẫn cách học (Study guidelines)

-- N/A

#### 6. Nội dung chi tiết của học phần (Course content)

L.O. Chuẩn đầu ra chi tiết (Detailed learning outcomes)

A. Hoạt động đánh giá (Assessment activity)





Lec. Hoạt động dạy Giảng viên (*Lecturer*)

Stu. Hoạt động học Sinh viên (*Student*)

| Buổi<br>(Session) | Nội dung (Content)  | Hoạt động dạy và học (Lecturing)  |
|-------------------|---|---|
| 1                 | <p><b>BÀI 1: IN TOUCH WITH YOUR FEELINGS</b></p> <p><b>1A.</b><br/><b>Vocabulary:</b> Describing emotions</p> <p><b>Listening:</b> The work of 3 NatGeo explorers</p> <p><b>Grammar:</b> Subject / object questions</p> <p><b>1B. Reading:</b> Why do people smile?</p> <p><b>(UNIT 1: IN TOUCH WITH YOUR FEELINGS</b></p> <p><b>1A.</b><br/><b>Vocabulary:</b> Describing emotions</p> <p><b>Listening:</b> The work of 3 NatGeo explorers</p> <p><b>Grammar:</b> Subject / object questions</p> <p><b>1B. Reading:</b> Why do people smile?<br/>)</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.1.1 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Dẫn dắt SV vào bài học thông qua các bức hình, trình bày và cho SV thực hành những từ vựng chủ đề của bài học.<br/><i>(Asks students to focus on the photos and the activities to present the key vocabulary related to the theme of the unit.)</i></li> <li>◦ Stu: Làm theo chỉ dẫn của GV và thực hành các hoạt động theo cặp.<br/><i>(Follow the teacher's instructions and work with their peer to work through the activities.)</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.3.1 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: GV dẫn dắt SV vào bài nghe bằng cách đặt câu hỏi thảo luận về hình ảnh trong sách. Cung cấp ngữ liệu cần thiết cho bài nghe, cho SV thực hành nghe và nhận xét câu trả lời. Có thể gợi mở câu trả lời nếu cần thiết.<br/><i>(Have students discuss the photo of the tiger, using the questions in the book. Pre-teach any new vocabulary to help students understand the listening materials. Play the recordings and elicit students' answers.)</i></li> <li>◦ Stu: Thảo luận bức hình theo nhóm theo chỉ dẫn của GV. Thực tập các hoạt động nghe theo hướng dẫn.<br/><i>(Discuss the photos and a partner and listen to the recordings to complete the activities.)</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.2.1 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Dùng các câu ví dụ để gợi mở cấu trúc và cách dùng của chủ đề ngữ pháp. Cho SV thực hành các bài tập và đưa ra nhận xét.<br/><i>(Go through the activities to help students work out the form and usage of the grammar structure. Elicit students' answers to the activities and give feedback. )</i></li> <li>◦ Stu: Thực hành các hoạt động theo các nhân hoặc theo cặp, theo chỉ dẫn của GV.<br/><i>(Work alone or in pairs and follow the teacher's instructions.)</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.4.1 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Cho SV thảo luận về các phân phiệt nụ cười giả hay thật để giới thiệu bài đọc. Cung cấp từ vựng mới nếu cần. Hướng dẫn SV trả lời các câu hỏi của bài đọc và đưa ra nhận xét. Khích lệ SV nêu lý do cho câu trả lời của mình.<br/><i>(Ask students to discuss how to distinguish between fake and genuine smiles, in order to lead in the theme of the text. Guide the students through the activities, pre-teach any vocabulary if necessary, and provide feedback. )</i></li> <li>◦ Stu: Làm việc theo cặp theo chỉ dẫn của GV.<br/><i>(Work in pairs and do as instructed.)</i></li> </ul> </li> </ul> |



| Buổi<br>(Session) | Nội dung (Content)  | Hoạt động dạy và học (Lecturing)  |
|-------------------|---|---|
| 2                 | <p><b>1C.</b><br/><b>Grammar:</b> Talking about the present</p> <p><b>1D.</b><br/><b>Listening:</b> The app that knows how you feel.<br/>(1C.<br/><b>Grammar:</b> Talking about the present</p> <p><b>1D.</b><br/><b>Listening:</b> The app that knows how you feel.)</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.2.2 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Sử dụng các câu ví dụ trong sách để giúp SV nhận ra được dạng thức và cách sử dụng chủ điểm ngữ pháp. Hướng dẫn SV thực hành các bài luyện tập, đưa ra nhận xét và các giải thích khi cần.<br/>(Go through the activities to help students work out the form and usage of the grammar structure. Elicit students' answers to the activities and give feedback. )</li> <li>◦ Stu: Làm theo chỉ dẫn của GV, theo cá nhân hoặc theo cặp.<br/>(Work alone or in pairs and follow the teacher's instructions.)</li> </ul> </li> <li>• L.O.3.2 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Có thể cho SV xem 1 video về các ví dụ của việc dùng công nghệ để phát hiện cảm xúc, để dẫn SV vào video chi đề của bài học. Cung cấp ngữ liệu cần thiết và cho SV xem video. Đưa ra chỉ dẫn, nhận xét và hỗ trợ khi cần.<br/>(Have students watch a video featuring examples of using technology to detect human emotions, in order to lead students to the lesson. Pre-teach any new vocabulary to help students understand the listening materials. Play the recordings and elicit students' answers.)</li> <li>◦ Stu: Xem video và làm theo hướng dẫn của GV.<br/>(Watch the video and follow the teacher's instructions.)</li> </ul> </li> </ul> |



| Buổi<br>(Session) | Nội dung (Content)  | Hoạt động dạy và học (Lecturing)   |
|-------------------|---|--|
| 3                 | <p><b>1E.</b><br/><b>Speaking:</b> Asking follow-up questions</p> <p><b>Writing:</b> A review</p> <p>(<b>1E.</b><br/><b>Speaking:</b> Asking follow-up questions<br/><b>Writing:</b> A review<br/>)</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.5.1 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Trình bày tình huống để dẫn dắt SV vào chủ đề bài nói; cung cấp những ngữ liệu cần thiết cho SV Cho SV thực hành theo cặp (có thể giao thảo bài tập về nhà).<br/>Đưa ra nhận xét, hỗ trợ và giải thích khi cần.<br/>(<i>Explain the scenario to the students and present any useful language and necessary vocabulary items. Have students work in pairs to practice using the learned language, maybe set this as homework. Provide feedback where necessary.</i>)</li> <li>◦ Stu: Thực hành theo cặp và làm theo hướng dẫn.<br/>(<i>Work in pairs and do as instructed.</i>)</li> </ul> </li> <li>• L.O.6.1 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: GV nên yêu cầu SV chọn một cuốn sách hoặc phim yêu thích trước khi lên lớp<br/>Cho SV đọc bài viết mẫu trong sách để SV học được cách viết một bài nhận xét.<br/>Cung cấp những ngữ liệu cần thiết cho thể loại viết bài nhận xét.<br/>Cho SV thực hành cá nhân ngay tại lớp hoặc giao thành bài tập về nhà.<br/>Hỗ trợ, gợi ý và nhận xét khi cần thiết.<br/>(<i>Teacher should ask students to choose a book or a movie of their own interest before class time. Have students read the sample review in the book to help them learn the style and format of a review. Provide extra language to writing a review (if necessary) The writing practice can either be done in class or set as homework.</i>)</li> <li>◦ Stu: Chuẩn bị trước bộ phim hoặc cuốn sách yêu thích trước khi lên lớp.<br/>Thực hiện các hoạt động theo hướng dẫn.<br/>(<i>Choose a book or a movie that they enjoy before going to class. Do as instructed.</i>)</li> </ul> </li> </ul> |



| Buổi<br>(Session) | Nội dung (Content)  | Hoạt động dạy và học (Lecturing)  |
|-------------------|---|---|
| 4                 | <p><b>BÀI 2: ENJOY THE RIDE</b></p> <p><b>2A.</b><br/><b>Vocabulary:</b> Travel</p> <p><b>Listening:</b> A description of 3 unusual ways to get to school</p> <p><b>Grammar:</b> -ED and -ING adjectives</p> <p><b>2B.</b><br/><b>Reading:</b> Urbexers—Life on the Edge of the City</p> <p><i>(UNIT 2: ENJOY THE RIDE</i></p> <p><b>2A.</b><br/><b>Vocabulary:</b> Travel</p> <p><b>Listening:</b> A description of 3 unusual ways to get to school</p> <p><b>Grammar:</b> -ED and -ING adjectives</p> <p><b>2B.</b><br/><b>Reading:</b> Urbexers—Life on the Edge of the City<br/>)</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.1.2 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Dẫn dắt SV vào chủ điểm của bài đọc bằng cách nêu câu hỏi về các phương tiện di chuyển. Cung cấp từ vựng mới nếu cần. Hướng dẫn SV trả lời các câu hỏi của bài đọc và đưa ra nhận xét. Khuyến khích SV nêu lý do cho câu trả lời của mình.<br/><i>(Guide the students through the activities by asking questions about means of transport. Pre-teach any vocabulary if necessary, and provide feedback.)</i></li> <li>◦ Stu: Làm việc theo cặp theo chỉ dẫn của GV.<br/><i>((Work in pairs and do as instructed.))</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.3.3 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Đặt câu hỏi về việc thói quen đi học hàng ngày để dẫn dắt vào bài. Cung cấp ngữ liệu cần thiết cho bài nghe, cho SV thực hành nghe và nhận xét câu trả lời. Có thể gợi mở câu trả lời nếu cần thiết.<br/><i>(Have students discuss how they commute to school every day to help lead in the lesson. Pre-teach any new vocabulary to help students understand the listening materials. Play the recordings and elicit students' answers.)</i></li> <li>◦ Stu: Thảo luận nhóm theo chỉ dẫn của GV. Thực tập các hoạt động nghe theo hướng dẫn.<br/><i>(Discuss with a partner as instructed and listen to the recordings to complete the exercises.)</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.2.3 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Dùng các câu ví dụ để gợi mở cấu trúc và cách dùng của chủ điểm ngữ pháp. Cho SV thực hành các bài tập và đưa ra nhận xét.<br/><i>(Go through the activities to help students work out the form and usage of the grammar structure. Elicit students' answers to the activities and give feedback.)</i></li> <li>◦ Stu: Thực hành các hoạt động theo các nhân hoặc theo cặp, theo chỉ dẫn của GV.<br/><i>(Work alone or in pairs and follow the teacher's instructions.)</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.4.2 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Dẫn dắt SV vào chủ điểm của bài đọc. Cung cấp từ vựng mới nếu cần. Hướng dẫn SV trả lời các câu hỏi của bài đọc và đưa ra nhận xét. Khuyến khích SV nêu lý do cho câu trả lời của mình.<br/><i>(Guide the students through the activities, pre-teach any vocabulary if necessary, and provide feedback.)</i></li> <li>◦ Stu: Làm việc theo cặp theo chỉ dẫn của GV.<br/><i>(Work in pairs and do as instructed.)</i></li> </ul> </li> </ul> |



| Buổi<br>(Session) | Nội dung (Content)   | Hoạt động dạy và học (Lecturing)   |
|-------------------|--|--|
| 5                 | <p><b>2C.</b><br/><b>Grammar:</b> Narrative forms</p> <p><b>2D.</b><br/><b>Listening:</b> Happy maps</p> <p>(<b>2C.</b><br/><b>Grammar:</b> Narrative forms</p> <p><b>2D.</b><br/><b>Listening:</b> Happy maps<br/>)</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.2.4 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Sử dụng các câu ví dụ trong sách để giúp SV nhận ra được dạng thức và cách sử dụng chủ điểm ngữ pháp. Hướng dẫn SV thực hành các bài luyện tập, đưa ra nhận xét và các giải thích khi cần.<br/>(Go through the activities to help students work out the form and usage of the grammar structure. Elicit students' answers to the activities and give feedback.)</li> <li>◦ Stu: Làm theo chỉ dẫn của GV, theo cá nhân hoặc theo cặp.<br/>(Work alone or in pairs and follow the teacher's instructions.)</li> </ul> </li> <li>• L.O.3.4 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Gọi ý cho SV thảo luận câu trích dẫn trong sách để giới thiệu vào bài học. Cung cấp cho SV một số ngữ liệu cần thiết cho bài nghe. Hướng dẫn SV qua các hoạt động nghe. Gọi ý, gợi mở và nhận xét câu trả lời của SV.<br/>(Have students discuss the quote in the book to lead in the lesson. Pre-teach any new vocabulary to help students understand the listening materials. Play the recordings and elicit students' answers.)</li> <li>◦ Stu: Thảo luận (một mình hoặc theo cặp) và làm theo hướng dẫn để thực hành các hoạt động nghe.<br/>(Discuss the quote with a partner and follow the instructions to listen to the recordings to complete the exercises.)</li> </ul> </li> </ul> |
| 6                 | <p><b>2E.</b><br/><b>Speaking:</b> Asking and giving directions</p> <p><b>Writing:</b> A story</p> <p>(<b>2E.</b><br/><b>Speaking:</b> Asking and giving directions</p> <p><b>Writing:</b> A story<br/>)</p>             | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.5.2 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Cho SV làm hoạt động nghe để dẫn dắt vào bài học. Cung cấp ngữ liệu cần thiết để thực hành nói. Cho SV thực hành theo cặp (có thể giao thảo bài tập về nhà). Đưa ra nhận xét, hỗ trợ và giải thích khi cần.<br/>(Have students practice the listening activities and present any useful language and necessary vocabulary items, to provide the input for the speaking function. Have students work in pairs to practice using the learned language, maybe set this as homework. Provide feedback where necessary.)</li> <li>◦ Stu: Thực hành theo cặp và làm theo hướng dẫn.<br/>(Work in pairs and do as instructed.)</li> </ul> </li> <li>• L.O.6.2 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Cho SV thực hành các hoạt động trong sách để cung cấp những ngữ liệu cần thiết cho thể loại viết bài nhận xét. Cho SV thực hành cá nhân ngay tại lớp hoặc giao thành bài tập về nhà. Hỗ trợ, gợi ý và nhận xét khi cần thiết.<br/>(Guide students through the activities in the book to provide them with the necessary input language for the writing genre. Have them work alone to write a description of their trip (either in class or as homework).)</li> <li>◦ Stu: Làm theo hướng dẫn của GV.<br/>(Follow teacher's instruction to write a description of a trip.)</li> </ul> </li> </ul>              |



| Buổi<br>(Session) | Nội dung (Content)  | Hoạt động dạy và học (Lecturing)   |
|-------------------|---|--|
| 7                 | <p><b>BÀI 3: ACTIVE LIVES</b></p> <p><b>3A.</b><br/><b>Vocabulary:</b> Sports</p> <p><b>Listening:</b> A podcast about Ashima Shiraishi</p> <p><b>Grammar:</b> Simple past and present perfect</p> <p><b>3B.</b><br/><b>Reading:</b> Can sports protect Africa's lions?</p> <p><i>(UNIT 3: ACTIVE LIVES</i></p> <p><b>3A.</b><br/><b>Vocabulary:</b> Sports</p> <p><b>Listening:</b> A podcast about Ashima Shiraishi</p> <p><b>Grammar:</b> Simple past and present perfect</p> <p><b>3B.</b><br/><b>Reading:</b> Can sports protect Africa's lions?<br/>)</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.1.3 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Hướng dẫn SV thảo luận nhóm về các hoạt động thể thao ưa thích. Cho SV thực hiện các bài tập trong sách để cung cấp các từ vựng chủ đề. Khuyến khích SV làm việc theo cặp để thảo luận câu trả lời. Đưa ra hỗ trợ và nhận xét.<br/><i>(Have students work in groups to discuss their popular sports activities. Ask them to do the activities in the book to learn about the theme vocabulary. Encourage them to work in pairs to discuss the answers. Give support and elicit answers.)</i></li> <li>◦ Stu: Làm việc theo nhóm và thực hiện theo yêu cầu.<br/><i>(Work in pairs or groups and follow the teacher's instruction.)</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.3.5 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Cho SV thảo luận bức hình của nhà leo núi trẻ tuổi. Trình bày một số ngữ liệu cần thiết để giúp SV làm bài tập nghe. Cho SV nghe và đưa ra hỗ trợ và nhận xét khi cần.<br/><i>(Have students discuss the picture of the climber to lead in the listening activity. Provide key vocabulary and other input to help students listen better. Play the recording and elicit answers. )</i></li> <li>◦ Stu: Làm việc theo cặp và thực hiện theo hướng dẫn.<br/><i>(Work in pairs and do as instructed. )</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.2.5 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Dùng các câu ví dụ để gợi mở cấu trúc và cách dùng của chủ đề ngữ pháp. Cho SV thực hành các bài tập và đưa ra nhận xét.<br/><i>(Go through the activities to help students work out the form and usage of the grammar structure. Elicit students' answers to the activities and give feedback.)</i></li> <li>◦ Stu: Thực hành các hoạt động theo các nhân hoặc theo cặp, theo chỉ dẫn của GV.<br/><i>(Work pairs and follow the teacher's instructions.)</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.4.3 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Cho SV thảo luận về bức hình trong sách để giới thiệu bài đọc. Cung cấp từ vựng mới nếu cần. Hướng dẫn SV trả lời các câu hỏi của bài đọc và đưa ra nhận xét. Khuyến khích SV nêu lý do cho câu trả lời của mình.<br/><i>(Ask students to discuss the photo in the book in order to lead in the theme of the text. Guide the students through the activities, pre-teach any vocabulary if necessary, and provide feedback.)</i></li> <li>◦ Stu: Làm việc theo cặp theo chỉ dẫn của GV.<br/><i>(Work in pairs and do as instructed.)</i></li> </ul> </li> </ul> |



| Buổi<br>(Session) | Nội dung (Content)  | Hoạt động dạy và học (Lecturing)  |
|-------------------|---|---|
| 8                 | <p><b>3C.</b><br/><b>Grammar:</b> Present perfect and present perfect continuous</p> <p><b>3D.</b><br/><b>Listening:</b> How I swam the North Pole.</p> <p>(3C.<br/><b>Grammar:</b> Present perfect and present perfect continuous</p> <p><b>3D.</b><br/><b>Listening:</b> How I swam the North Pole.<br/>)</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.2.6 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Có thể cho SV làm bài quiz ngắn để ôn lại thì Present Perfect. Sau đó, thông qua các câu ví dụ trong sách để giúp SV nhận ra được dạng thức và cách phân biệt giữa Present perfect và Present Perfect Continuous. Hướng dẫn SV thực hành các bài luyện tập, đưa ra nhận xét và các giải thích khi cần.<br/><i>(Maybe first use a quiz to help students review the Present perfect tense . Go through the activities to help students work out the form and distinguish between the Present perfect và Present Perfect Continuous. Elicit students' answers to the activities and give feedback.)</i></li> <li>◦ Stu: Làm theo chỉ dẫn của GV, theo cá nhân hoặc theo cặp.<br/><i>(Work alone or in pairs and follow the teacher's instructions.)</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.3.6 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Hướng dẫn SV làm các hoạt động về từ vựng để dẫn SV vào video chi đề của bài học. Cung cấp ngữ liệu cần thiết và cho SV xem video. Đưa ra chỉ dẫn, nhận xét và hỗ trợ khi cần.<br/><i>(Have students do some vocabulary to lead students to the lesson. Pre-teach any new vocabulary to help students understand the listening materials. Play the recordings and elicit students' answers.)</i></li> <li>◦ Stu: Xem video và làm theo hướng dẫn của GV.<br/><i>(Watch the video and follow the teacher's instructions.)</i></li> </ul> </li> </ul>  |
| 9                 | <p><b>3E.</b><br/><b>Speaking:</b> Agreeing and disagreeing</p> <p><b>Writing:</b> An opinion essay</p> <p>(3E.<br/><b>Speaking:</b> Agreeing and disagreeing</p> <p><b>Writing:</b> An opinion essay<br/>)</p>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.5.3 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Trình bày tình huống để dẫn dắt SV vào chủ đề bài nói; cung cấp những ngữ liệu cần thiết cho SV Cho SV thực hành theo cặp (có thể giao thảo bài tập về nhà). Đưa ra nhận xét, hỗ trợ và giải thích khi cần.<br/><i>(Explain the scenario to the students and present any useful language and necessary vocabulary items. Have students work in pairs to practice using the learned language, maybe set this as homework. Provide feedback where necessary.)</i></li> <li>◦ Stu: Thực hành theo cặp và làm theo hướng dẫn.<br/><i>(Work in pairs and do as instructed.)</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.6.3 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Cho SV đọc bài viết mẫu trong sách để SV học được cấu trúc của một bài viết tranh luận ý kiến Cung cấp những ngữ liệu cần thiết cho thể loại viết bài nhận xét. Cho SV thực hành cá nhân ngay tại lớp hoặc giao thành bài tập về nhà. Hỗ trợ, gợi ý và nhận xét khi cần thiết.<br/><i>(Have students read the sample writing so that they can learn about the format of an opinion essay. Guide students through the activities in the book to provide them with the necessary input language for the writing genre. Have them work alone to write a description of their trip (either in class or as homework))</i></li> <li>◦ Stu: Thực hiện các hoạt động theo hướng dẫn.<br/><i>(Follow the teacher's instructions through the activities to write an opinion essay.)</i></li> </ul> </li> </ul> |



| Buổi<br>(Session) | Nội dung (Content)  | Hoạt động dạy và học (Lecturing)   |
|-------------------|---|--|
| 10                | <p><b>BÀI 4: FOOD</b></p> <p><b>4A.</b><br/><b>Vocabulary:</b> Describing food</p> <p><b>Listening:</b> A podcast about cooking in schools</p> <p><b>Grammar:</b> Future plans, intentions, and arrangements</p> <p><b>4B.</b><br/><b>Reading:</b> Could the best street food in the world be Filipino?</p> <p><i>(UNIT 4: FOOD</i></p> <p><b>4A.</b><br/><b>Vocabulary:</b> Describing food</p> <p><b>Listening:</b> A podcast about cooking in schools</p> <p><b>Grammar:</b> Future plans, intentions, and arrangements</p> <p><b>4B.</b><br/><b>Reading:</b> Could the best street food in the world be Filipino?<br/>)</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.1.4 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Dẫn dắt SV vào bài học bằng cách đặt câu hỏi về khả năng nấu ăn của SV. Trình bày và cho SV thực hành những từ vựng chủ đề của bài học.<br/>(Ask students to discuss questions about their ability to cook. Present the key vocabulary related to the theme of the unit, and guide them through the exercises.)</li> <li>◦ Stu: Làm theo chỉ dẫn của GV và thực hành các hoạt động theo cặp.<br/>(Follow the teacher's instructions and work with their peer to work through the activities.)</li> </ul> </li> <li>• L.O.3.7 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Cung cấp ngữ liệu cần thiết cho bài nghe, cho SV thực hành nghe và nhận xét câu trả lời. Có thể gọi mở câu trả lời nếu cần thiết.<br/>(Pre-teach any new vocabulary to help students understand the listening materials. Play the recordings and elicit students' answers.)</li> <li>◦ Stu: Thực tập các hoạt động nghe theo hướng dẫn.<br/>(Work with a partner and follow the teacher's instructions to complete the activities.)</li> </ul> </li> <li>• L.O.2.7 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Dùng các câu ví dụ để gợi mở cấu trúc và cách dùng của chủ đề ngữ pháp. Cho SV thực hành các bài tập và đưa ra nhận xét.<br/>(Go through the activities to help students work out the form and usage of the grammar structure. Elicit students' answers to the activities and give feedback.)</li> <li>◦ Stu: Thực hành các hoạt động theo các nhân hoặc theo cặp, theo chỉ dẫn của GV.<br/>(Work alone or in pairs and follow the teacher's instructions.)</li> </ul> </li> <li>• L.O.4.4 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Cho SV thảo luận bằng cách đặt câu hỏi về thức ăn đường phố ở VN. Cung cấp từ vựng mới nếu cần. Hướng dẫn SV trả lời các câu hỏi của bài đọc và đưa ra nhận xét. Khuyến khích SV nêu lý do cho câu trả lời của mình.<br/>(Ask students to discuss questions about street food in their area, in order to lead in the theme of the text. Guide the students through the activities, pre-teach any vocabulary if necessary, and provide feedback.)</li> <li>◦ Stu: Làm việc theo cặp theo chỉ dẫn của GV.<br/>(Work in pairs and do as instructed.)</li> </ul> </li> </ul> |





| Buổi<br>(Session) | Nội dung (Content)   | Hoạt động dạy và học (Lecturing)  |
|-------------------|--|---|
| 11                | <p><b>4C.</b><br/><b>Grammar:</b> Making predictions</p> <p><b>4D.</b><br/><b>Listening:</b> Why I'm a weekly vegetarian</p> <p>(<b>4C.</b><br/><b>Grammar:</b> Making predictions</p> <p><b>4D.</b><br/><b>Listening:</b> Why I'm a weekly vegetarian<br/>)</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.2.8 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Đưa ra một số tình huống để SV nêu ra một số dự đoán. Sử dụng câu trả lời của SV và các câu ví dụ trong sách để giúp SV nhận ra được dạng thức và cách sử dụng chủ điểm ngữ pháp. Hướng dẫn SV thực hành các bài luyện tập, đưa ra nhận xét và các giải thích khi cần.<br/><i>(Provide students with several scenarios for them to make predictions. Use their responses and the examples in the book to help students work out the form and usage of the grammar structure. Elicit students' answers to the activities and give feedback.)</i></li> <li>◦ Stu: Thực hành theo chỉ dẫn của GV, theo cá nhân hoặc theo cặp.<br/><i>(Work alone or in pairs and do the activities, following the teacher's instructions.)</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.3.8 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Dẫn vào chủ đề bài video bằng cách thực hiện khảo sát nhanh về thói quen ăn chay của SV và cho SV thảo luận tại sao lại ăn chay. Cung cấp ngữ liệu cần thiết và cho SV xem video. Đưa ra chỉ dẫn, nhận xét và hỗ trợ khi cần.<br/><i>(Lead students to the activities by doing a quick survey about being a vegetarian and have them discuss the reasons to become a vegetarian. Pre-teach any new vocabulary to help students understand the listening materials. Play the recordings and elicit students' answers.)</i></li> <li>◦ Stu: Làm việc theo cặp và làm theo chỉ dẫn của GV.<br/><i>(Work in pairs and do as instructed.)</i></li> </ul> </li> </ul>   |
| 12                | <p><b>4E.</b><br/><b>Speaking:</b> Talking about hopes and goals</p> <p><b>Writing:</b><br/>A social media update</p> <p>(<b>4E.</b><br/><b>Speaking:</b> Talking about hopes and goals</p> <p><b>Writing:</b><br/>A social media update<br/>)</p>               | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.6.4 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Đặt câu hỏi thảo luận nhanh về thói quen dùng mạng xã hội của SV. Cho SV đọc bài viết mẫu trong sách và làm các bài tập để SV nắm được một số ngữ liệu quan trọng cho bài viết. Cho SV làm việc cá nhân và thực hành viết (có thể giao thành bài tập về nhà)<br/><i>(Hold a quick discussion about students' habits of using social media. Have students read the sample writing in the book and do the exercises so that students can learn some important material for the article. Get students to work individually and practice writing (this can be assigned as homework).)</i></li> <li>◦ Stu: Làm việc theo cặp hoặc cá nhân và làm theo chỉ dẫn.<br/><i>(Work either in pairs or own their own and do as directed.)</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.5.4 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Gọi ý cho SV nêu một số mục tiêu mà mơ ước của SV để làm ngữ liệu thực hành nói. Cho SV làm các hoạt động trong sách để học được các cấu trúc cần thiết. Cho SV làm việc theo cặp để thảo luận mục tiêu/mơ ước của mình, khuyến khích SV dùng những ngữ liệu đã học; đưa ra hỗ trợ và nhận xét khi cần.<br/><i>(Elicit students for their hopes and dreams, in order to prepare ideas for speaking activities. Have students do the activities in the book to learn the necessary language input. Have students work in pairs to discuss their goals/dreams, encouraging students to use the language they have learned; provide support and comments when needed.)</i></li> <li>◦ Stu: Làm việc nhóm và làm theo hướng dẫn.<br/><i>(Work in groups and follow instructions.)</i></li> </ul> </li> </ul> |



| Buổi<br>(Session) | Nội dung (Content)  | Hoạt động dạy và học (Lecturing)   |
|-------------------|---|--|
| 13                | <p><b>BÀI 5: WORK</b></p> <p><b>5A.</b><br/><b>Vocabulary:</b> Describing work</p> <p><b>Listening:</b> A podcast about the world of work</p> <p><b>Grammar:</b> Verb + -ING of to-infinitive</p> <p><b>5B.</b><br/><b>Reading:</b> A real-time crime-fighting superpower!</p> <p><i>(UNIT 5: WORK</i></p> <p><b>5A.</b><br/><b>Vocabulary:</b> Describing work</p> <p><b>Listening:</b> A podcast about the world of work</p> <p><b>Grammar:</b> Verb + -ING of to-infinitive</p> <p><b>5B.</b><br/><b>Reading:</b> A real-time crime-fighting superpower!<br/>)</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.1.5 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Dẫn dắt SV vào bài học; đặt câu hỏi thảo luận về phẩm chất cần thiết của một số nghề SV muốn làm; nhận xét và bổ sung một số từ vựng liên quan. Trình bày và cho SV thực hành những từ vựng chủ điểm của bài học.<br/><i>(Lead students into the lesson by asking questions to discuss the necessary qualities of some professions students want to do; give comments and add some related vocabulary. Present and let students practice the key vocabulary of the lesson.)</i></li> <li>◦ Stu: Làm theo chỉ dẫn của GV và thực hành các hoạt động theo cặp.<br/><i>(Follow the teacher's instructions and work with their peer to work through the activities.)</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.3.9 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Hướng dẫn SV về chủ đề bài nghe. Cung cấp ngữ liệu cần thiết cho bài nghe, cho SV thực hành nghe và nhận xét câu trả lời. Có thể gợi mở câu trả lời nếu cần thiết.<br/><i>(Guide students to the theme of the listening material. Pre-teach any new vocabulary to help students understand the recording. Play the recordings and elicit students' answers to the activities. Thảo luận bức hình theo nhóm theo chỉ dẫn của GV. Thực tập các hoạt động nghe theo hướng dẫn. ( Discuss the photos and a partner and listen to the recordings to complete the activities.)</i></li> <li>◦ Stu: Thực hành các hoạt động nghe theo hướng dẫn.<br/><i>(Practice the activities as instructed.)</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.2.9 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Dùng các câu ví dụ để gợi mở cấu trúc và cách dùng của chủ điểm ngữ pháp. Cho SV thực hành các bài tập và đưa ra nhận xét.<br/><i>(Go through the activities to help students work out the form and usage of the grammar structure. Elicit students' answers to the activities and give feedback.)</i></li> <li>◦ Stu: Thực hành các hoạt động theo các nhân hoặc theo cặp, theo chỉ dẫn của GV.<br/><i>(Work alone or in pairs and follow the teacher's instructions.)</i></li> </ul> </li> <li>• L.O.4.5 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Cho SV làm các bài tập về các động từ liên quan tới "see". Thông qua bức hình, dẫn dắt SV vào chủ đề của bài đọc. Cung cấp từ vựng mới nếu cần. Hướng dẫn SV trả lời các câu hỏi của bài đọc và đưa ra nhận xét. Khuyến khích SV nêu lý do cho câu trả lời của mình.<br/><i>(Have students work on the exercises related to the verb "see". Guide students to the theme of the reading text, using the photo in the book. Guide the students through the activities, pre-teach any vocabulary if necessary, and provide feedback.)</i></li> <li>◦ Stu: Làm việc theo cặp theo chỉ dẫn của GV.<br/><i>(Work in pairs and do as instructed.)</i></li> </ul> </li> </ul> |



| Buổi<br>(Session) | Nội dung (Content)  | Hoạt động dạy và học (Lecturing)   |
|-------------------|---|--|
| 14                | <p><b>5C.</b><br/><b>Grammar:</b> Present and past modals</p> <p><b>5D.</b><br/><b>Listening:</b> Why the best might not have the perfect résumé</p> <p>(5C.<br/><b>Grammar:</b> Present and past modals</p> <p><b>5D.</b><br/><b>Listening:</b> Why the best might not have the perfect résumé )</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.2.10 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 , A.O.2 , A.O.3 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Sử dụng các câu ví dụ trong sách để giúp SV nhận ra được dạng thức và cách sử dụng chủ điểm ngữ pháp. Hướng dẫn SV thực hành các bài luyện tập, đưa ra nhận xét và các giải thích khi cần.<br/>(Go through the activities to help students work out the form and usage of the grammar structure. Elicit students' answers to the activities and give feedback.)</li> <li>◦ Stu: Làm theo chỉ dẫn của GV, theo cá nhân hoặc theo cặp.<br/>(Work alone or in pairs and follow the teacher's instructions.)</li> </ul> </li> <li>• L.O.3.10 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Đặt câu hỏi thảo luận nhanh về kinh nghiệm viết CV xin việc để dẫn SV vào video chủ đề của bài học. Cung cấp ngữ liệu cần thiết và cho SV xem video. Đưa ra chỉ dẫn, nhận xét và hỗ trợ khi cần.<br/>(Have a quick discussion about students' experience in writing CVs, in order to lead students to the video. Pre-teach any new vocabulary to help students understand the listening materials. Play the videos and elicit students' answers.)</li> <li>◦ Stu: Làm việc nhóm và thực hiện theo hướng dẫn.<br/>(Work in pairs and work through the activities as instructed.)</li> </ul> </li> </ul>  |
| 15                | <p><b>5E.</b><br/><b>Speaking:</b> Job interviews</p> <p><b>Writing:</b> A cover letter</p> <p>(5E.<br/><b>Speaking:</b> Job interviews</p> <p><b>Writing:</b> A cover letter )</p>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• L.O.6.5 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Cho SV đọc lá thư xin việc mẫu trong sách và làm các bài tập để SV nắm được một số ngữ liệu quan trọng cho bài viết. Cho SV làm việc cá nhân và thực hành viết (có thể giao thành bài tập về nhà)<br/>(Have students read the sample cover letter in the book and do the exercises so that students can learn some important material for the article. Get students to work individually and practice writing (this can be assigned as homework).)</li> <li>◦ Stu: Làm việc theo cặp hoặc cá nhân và làm theo chỉ dẫn.<br/>(Work either in pairs or own their own and do as directed.)</li> </ul> </li> <li>• L.O.5.5 [ A.O.1.1 , A.O.1.2 ] <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Lec: Trình bày tình huống để dẫn dắt SV vào chủ đề bài nói; cung cấp những ngữ liệu cần thiết cho SV. Cho SV thực hành theo cặp (có thể giao thảo bài tập về nhà). Đưa ra nhận xét, hỗ trợ và giải thích khi cần.<br/>(Explain and help students discuss the scenario to the students and present any useful language and necessary vocabulary items. Have students work in pairs to practice using the learned language, maybe set this as homework. Provide feedback where necessary. Thực hành theo cặp và làm theo hướng dẫn. ( Work in pairs and do as instructed. )</li> <li>◦ Stu: Thực hành theo cặp và làm theo hướng dẫn.<br/>(Work in pairs and do as instructed.)</li> </ul> </li> </ul> |

### 7. Yêu cầu khác về học phần (Other course requirements and expectations)

### 8. Biên soạn và cập nhật đề cương (Editing information)

- Đề cương được biên soạn vào năm học học kỳ (Syllabus edited in year-semester): **20201**



- 
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ (*Editing version*): **DCMH.LA1007.1.1**
  - Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất (*The latest editing content*): -- --

**TRƯỞNG KHOA**  
(*Dean*)

**CHỦ NHIỆM BỘ MÔN**  
(*Head of Department*)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2022  
*HCM City, August 8 2022*  
**CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG**  
(*Lecturer in-charge*)